

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ NGHỀ NGHIỆP THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

ThS. HOÀNG VĂN THÁI*

Abstract: *Renovating methods of teaching and assessment in occupation-specific foreign language training towards learners' competency development is an urgent issue in the context of radical and comprehensive renovation of education and training, and international integration. In this article, the writer reviews main points of competency, occupation-specific foreign language competency, main features of teaching and assessment in foreign language training towards learners' competency development, and also proposes 4 groups of measures for renovating the teaching-and-assessment methods based on the competency development approach in occupation-specific foreign language training in Vietnam.*

Keywords: *Renovation, teaching method, assessment, occupation-specific foreign language, competency development.*

Để đáp ứng những yêu cầu đổi mới đào tạo ngoại ngữ trong giáo dục nghề nghiệp theo định hướng phát triển năng lực (ĐHPTNL) học sinh, sinh viên (HS, SV), chuẩn hóa và thiết thực với người học, các cơ sở đào tạo phải thực hiện thành công việc chuyển từ phương pháp dạy học (PPDH) ngoại ngữ theo lối “truyền thụ một chiều” sang dạy HS, SV cách học, cách vận dụng kiến thức ngôn ngữ, kiến thức liên môn, rèn luyện kỹ năng (KN) tiếng đồng hành cùng KN nghề nhằm hình thành năng lực (NL) và phẩm chất cá nhân, đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, các cơ sở cũng cần chuyển cách kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) kết quả học tập các môn ngoại ngữ từ nặng về kiểm tra trí nhớ sang KT, ĐG NL vận dụng tích hợp kiến thức, KN liên môn học thông qua học ngoại ngữ để giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống hoặc nghề nghiệp trong tương lai của các em đặt ra; coi trọng cả KT, ĐG cuối khóa học với KT, ĐG trong quá trình học tập, rèn luyện của HS, SV.

1. Vấn đề dạy học và KT, ĐG trong đào tạo ngoại ngữ nghề nghiệp (NNNN) theo ĐHPTNL

1.1. Năng lực và năng lực NNNN

1.1.1. *Năng lực.* NL của HS, SV được hiểu là tổ hợp đo lường được của kiến thức, KN và thái độ mà mỗi một học HS, SV cần vận dụng để thực hiện thành công một nhiệm vụ (task) trong một bối cảnh thực và có nhiều biến động. GD-ĐT cần hình thành và phát triển cho HS, SV hai nhóm NL: - *Nhóm NL chung* (core/general competencies), gồm: + *Nhóm NL làm chủ và phát triển bản thân:* NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự quản lí; + *Nhóm NL về*

quan hệ xã hội: NL giao tiếp, NL hợp tác; + *Nhóm NL công cụ:* NL sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, NL sử dụng ngôn ngữ, NL tính toán; - *Nhóm NL chuyên biệt* (specific competencies): NL riêng được hình thành và phát triển ở một lĩnh vực hoặc là NL môn học cụ thể, ví dụ như: NL làm toán, NL đọc hiểu ngoại ngữ chuyên ngành, viết sáng tạo...

1.1.2. *Năng lực NNNN.* NL ngoại ngữ là đặc điểm của mỗi cá nhân bao gồm *NL ngôn ngữ* và *NL chiến lược*. NL ngôn ngữ không chỉ cho phép người học tạo ra các từ, câu, bài đọc mà còn kết nối chúng với các khái niệm và đặc trưng của ngữ cảnh giao tiếp. NL chiến lược nhận thức như xác định mục đích, đánh giá và xây dựng kế hoạch cho phép người sử dụng ngôn ngữ có những quyết định sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh.

Trong dạy học NNNN, giáo viên (GV) thường cung cấp cho HS, SV các KN ở nơi làm việc sử dụng ngoại ngữ cần học, cần duy trì và phát triển trong thực tế công việc. Cấu trúc NL NNNN hiện nay cần bao gồm: - NL ngôn ngữ (NL ngữ pháp, NL ngôn bản, NL hành ngôn, NL ngôn ngữ xã hội); - NL chiến lược (đánh giá, xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện); - NL chuyên môn (kiến thức về ngành và kiến thức chuyên môn nghề, KN chuyên môn nghề) được đặt trong hoạt động và kinh nghiệm của mỗi cá nhân.

Như vậy, có thể định nghĩa, *NL NNNN là sự tương tác giữa NL ngôn ngữ và NL chuyên môn*

* Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội

thông qua NL chiến lược được thể hiện qua hoạt động thực tiễn nghề nghiệp trong một bối cảnh nhất định, phù hợp với kinh nghiệm của mỗi cá nhân tham gia hoạt động đó.

1.2. Tiếp cận đổi mới dạy học và KT, ĐG ngoại ngữ theo ĐHPTNL. PPDH ngoại ngữ theo ĐHPTNL không chỉ chú ý tích cực hoá HS, SV về hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện NL giải quyết vấn đề gắn với những tình huống trong học tập, của cuộc sống và nghề nghiệp; đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn; tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV với HS, SV theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển nhiều nhóm NL khác nhau. PPDH ngoại ngữ theo ĐHPTNL kết hợp sử dụng các PPDH truyền thống và hiện đại với nhau một cách phù hợp. Có thể kể tới một số PPDH như: thuyết trình, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thực hành, dự án học tập, thực tập tại cơ sở...

KT, ĐG ngoại ngữ theo ĐHPTNL được thực hiện thông qua việc thu thập bằng chứng để chứng minh HS, SV thực hiện hoặc hành động phù hợp với các tiêu chuẩn cụ thể. KT, ĐG NN theo ĐHPTNL tập trung vào kết quả đầu ra, thường diễn ra trong đời sống xã hội hàng ngày/môi trường nghề nghiệp hoặc mô phỏng đời sống xã hội hàng ngày/môi trường nghề nghiệp và chỉ dùng để xác định có NL hay không đủ NL. Về bản chất, KT, ĐG trong dạy học ngoại ngữ theo ĐHPTNL là cách thức KT, ĐG theo đường hướng giao tiếp thiên về việc thu thập minh chứng thể hiện khả năng áp dụng những gì được học trên lớp ngoại ngữ vào các tình huống thực trong cuộc sống bên ngoài lớp học trong sự đối sánh với chuẩn thực hiện được lựa chọn. KT, ĐG trong quá trình dạy học ngoại ngữ theo ĐHPTNL có những đặc trưng như: quan tâm tới KT, ĐG các NL chung qua môn ngoại ngữ; KT, ĐG dựa trên các nhiệm vụ giao tiếp và việc thực hiện nhiệm vụ; những yêu cầu về kết quả KT, ĐG được xác định trước và HS, SV được biết trước; KT, ĐG diễn ra thường xuyên trong quá trình dạy học; KT, ĐG dựa trên những thể hiện thực tế của NL sử dụng ngoại ngữ đã được xác định; quan tâm nhiều hơn tới các phương pháp, kĩ thuật KT, ĐG tích hợp, KT, ĐG xác thực và vai trò tự KT, ĐG của HS, SV.

2. Một số đề xuất nhằm đổi mới PPDH và KT, ĐG trong đào tạo NNNN theo ĐHPTNL

2.1. Vận dụng hiệu quả PPDH và KT, ĐG theo nhiệm vụ giao tiếp. Về lí thuyết, các nhiệm vụ giao tiếp có thể là các nhiệm vụ tiếp nhận (nghe và đọc) hoặc sản sinh (nói và viết) và có thể được thực

hiện theo cá nhân hoặc theo cặp hoặc theo nhóm. Tuy nhiên, trong thực tế, hầu hết các nhiệm vụ giao tiếp trong các giáo trình dạy học ngoại ngữ thường gắn với khả năng sản sinh ngôn ngữ (hoặc nói hoặc viết hoặc cả hai) và yêu cầu HS, SV tương tác với một người khác.

Các nhiệm vụ giao tiếp được sử dụng trong dạy học và KT, ĐG NNNN chủ yếu dưới hình thức nói (hội thoại đóng vai, kể chuyện, mô tả tranh ảnh, phỏng vấn, thảo luận, thuyết trình) và viết (viết ghi chú và các đoạn thông tin ngắn - bao gồm cả e-mail, viết đoạn hoặc bài văn, viết bản ghi nhớ, viết thư cá nhân, viết thư tín giao dịch, viết hướng dẫn, viết báo cáo, viết các biểu mẫu và đơn...). Hình thức nghe và đọc mang một chức năng mới là cung cấp thông tin cho HS, SV như một phần của bài kiểm tra các KN sản sinh nói hoặc viết.

Việc phân loại các nhiệm vụ giao tiếp có nhiều cách khác nhau: theo KN gồm nói và viết; theo loại hoạt động triển khai có xếp loại, lựa chọn, sắp xếp, giải quyết vấn đề...; theo sản phẩm có đoạn viết, bài luận...; theo việc thực hiện có thuyết trình, tranh luận, thực hành...; theo quá trình có quan sát, phỏng vấn đồng cặp... Việc lựa chọn độ khó của các nhiệm vụ giao tiếp có ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức dạy học và xác định điểm số của nhiệm vụ trong KT, ĐG. Độ khó của một nhiệm vụ giao tiếp chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố trong đó có các yếu tố cơ bản mà GV cần quan tâm khi xây dựng, sử dụng các nhiệm vụ giao tiếp trong dạy học và KT, ĐG ngoại ngữ như: NL và đặc điểm cá nhân của HS, SV; điều kiện và giới hạn của nhiệm vụ. Các nhiệm vụ giao tiếp có thể được phân chia thành 3 mức độ khó khác nhau: *mức độ khó 1* (tái hiện - dễ); *mức độ khó 2* (hiểu và vận dụng - trung bình); *mức độ khó 3* (xử lí, giải quyết vấn đề thực tiễn - khó).

Để xây dựng được các nhiệm vụ giao tiếp phù hợp và sử dụng hiệu quả trong dạy học, KT, ĐG ngoại ngữ; GV có thể thực hiện theo các bước sau: Xác định mục đích, mục tiêu của việc xây dựng nhiệm vụ; nghiên cứu chương trình đào tạo, chương trình môn học và những mục tiêu, nhiệm vụ giao tiếp có thể sử dụng trong dạy học và KT, ĐG ở các nguồn học liệu khác nhau; thu thập, điều chỉnh các ngữ liệu đầu vào cho phù hợp với mỗi tiểu mục trong nhiệm vụ; xây dựng bảng kiểm hướng dẫn những điều HS, SV sẽ phải thực hiện; xác định các tiêu chí thực hiện nhiệm vụ của HS, SV; chỉnh lí, thử nghiệm và hoàn thiện nhiệm vụ; xây dựng thư viện nhiệm vụ; hướng dẫn áp dụng các nhiệm vụ trong dạy học và KT, ĐG.

2.2. Tăng cường triển khai dạy học và KT, ĐG theo dự án. Dạy học và KT, ĐG theo dự án trong

đào tạo ngoại ngữ là việc áp dụng một hình thức điển hình của giáo dục định hướng hành động vào quá trình dạy học trên các lớp ngoại ngữ, trong đó HS, SV tự lực thực hiện trong nhóm một nhiệm vụ học tập hoặc KT, ĐG phức hợp, gắn với các vấn đề thực tiễn, kết hợp lí thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm ngôn ngữ có thể công bố. Ví dụ: Dự án giới thiệu “*Các điểm du lịch văn hóa ở Hà Nội*” hoặc “*Ám thực Việt trong các khách sạn liên doanh ở Hà Nội*” dưới hình thức thuyết trình hoặc sách điện tử. Dạy học và KT, ĐG ngoại ngữ theo dự án không chỉ giúp HS, SV phát triển NL giao tiếp ngoại ngữ cần học mà còn tăng cường được các NL chung cần có để thành công trong học tập, trong cuộc sống xã hội. Khi triển khai dạy học và KT, ĐG ngoại ngữ theo dự án, GV cần phân nhóm HS, SV và xác định trọng tâm kiến thức cần nắm được, KN cần thực hành, NL cần phát triển cho HS, SV, sau đó xác định nhiệm vụ/yêu cầu/bài tập HS, SV cần giải quyết một cách cụ thể; GV và HS, SV cùng xác định yêu cầu đầu ra đối với sản phẩm dự án, tiêu chí ĐG và giải pháp thực hiện; GV giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ, làm bài tập và trình bày sản phẩm đầu ra của HS, SV. Việc tổ chức tích hợp dạy học và KT, ĐG thông qua triển khai một dự án trong đào tạo ngoại ngữ có thể thực hiện theo các bước sau: chọn chủ đề và xác định mục đích của dự án; xây dựng kế hoạch thực hiện dự án; thực hiện dự án; báo cáo kết quả dự án và đánh giá dự án.

2.3. Tăng cường sử dụng phương tiện, công nghệ thông tin truyền thông hợp lí trong dạy học và KT, ĐG. Phương tiện (SGK; cassette; băng, đĩa hình; băng, đĩa tiếng; mô hình; phần mềm chuyên dụng...) có vai trò quan trọng trong việc đổi PPDH và KT, ĐG trong đào tạo NNNN nhằm tăng cường tính trực quan và hiệu quả thực hành giao tiếp; tăng cường tính chính xác, khách quan, minh bạch trong KT, ĐG. Việc sử dụng các phương tiện cần phù hợp với mối quan hệ giữa phương tiện cần thiết và PPDH, KT, ĐG được sử dụng. NL sử dụng đa phương tiện và công nghệ thông tin (máy tính, máy chiếu, máy quay video, bộ đa phương tiện, thư điện tử, khai thác Internet...) vừa là nội dung dạy học, KT, ĐG thông qua môn ngoại ngữ vừa là phương tiện dạy học, KT, ĐG trong giáo dục ngoại ngữ hiện đại. Phương tiện, công nghệ mới hỗ trợ việc tìm ra và sử dụng các PPDH và KT, ĐG ngoại ngữ mới. Webquest, iCloudTest là những ví dụ về dạy học, KT, ĐG sử dụng mạng điện tử, trong đó HS, SV khám phá tri thức và thực hiện việc KT, ĐG trên Internet có định hướng.

2.4. Tăng cường phương pháp học tập tích cực và tự KT, ĐG cho HS, SV. Hiện nay, giáo dục

ngoại ngữ chú trọng đổi mới PPDH và KT, ĐG theo hướng quan tâm nhiều tới vai trò của tự học, tự luyện tập và tự KT, ĐG trong quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo nhằm khuyến khích HS, SV phát triển các KN học tập độc lập và có trách nhiệm hơn với việc học của bản thân mình. Tổ chức cho HS, SV tự học và tự KT, ĐG tốt sẽ tăng cường động cơ học tập ngoại ngữ nhờ có sự tham gia tích cực của các em vào quá trình học tập và KT, ĐG.

Khi tổ chức các hoạt động tự học và tự KT, ĐG trong quá trình dạy học ngoại ngữ, GV cần quan tâm thực hiện tốt những vấn đề như: thông báo rõ mục đích tổ chức việc tự học và tự KT, ĐG cho HS, SV; xác định rõ nhiệm vụ tự học và tự KT, ĐG; luôn khuyến khích HS, SV thể hiện sự tự giác trong học tập và ĐG công bằng khả năng hoặc sự thực hiện của bản thân mình; đảm bảo những tác động có ích qua các hoạt động sau nhiệm vụ tự học hoặc tự KT, ĐG.

Công cụ tự học ngoại ngữ phổ biến là sách học; tài liệu điện tử; chương trình, phần mềm dạy học ngoại ngữ... Một số kĩ thuật, công cụ tự KT, ĐG có thể khai thác, phát triển, sử dụng trong dạy học NNNN (xem *bảng*).

Kĩ thuật, công cụ tự KT, ĐG	Ví dụ
Thang đánh giá	HS, SV tự KT, ĐG các KN sử dụng ngoại ngữ bên ngoài lớp học của mình. Ví dụ: thang đánh giá từ 1-5 để thể hiện tỉ lệ phần trăm HS, SV có thể hiểu một bản tin ngắn trên truyền hình
Phiếu đánh giá	HS, SV tự KT, ĐG các chiến lược đã sử dụng để duy trì hội thoại hoặc tự KT, ĐG các chiến lược sử dụng khi nghe đài phát thanh
So sánh khả năng nói với các tiêu chí đã lựa chọn	HS, SV xem lại bài thực hiện đã được ghi hình (một hội thoại đóng vai, một cuộc phỏng vấn, một bài thuyết trình), sử dụng hai hoặc 3 tiêu chí thể hiện trong Khung NL ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chuẩn NL NNNN được đề xuất và KT, ĐG những việc đã thực hiện trong video. Ví dụ: Đặt câu hỏi để có được những thông tin cần thiết, mở đầu hoặc kết thúc hội thoại...
Số học tập hoặc nhật kí	HS, SV ghi chép vào sổ học tập những phương pháp, kĩ thuật (nghe, nói, đọc...) mới mình bắt đầu sử dụng hoặc HS, SV mô tả lại một cuộc trao đổi của mình với một người sử dụng ngoại ngữ vào nhật kí
Nhật kí ghi âm/ghi hình	HS, SV hoàn thành một nhật kí ghi âm/ghi hình mô tả hai điều về KN nói mình muốn cải thiện
Bài kiểm tra có đáp án	HS, SV đọc hoặc nghe một đoạn văn bản viết hoặc nói, trả lời các câu hỏi, sau đó kiểm tra lại dựa vào đáp án
So sánh với văn bản mẫu	HS, SV so sánh đoạn văn/bài văn/bức thư/báo cáo... của mình với đoạn văn/bài văn/bức thư/báo cáo mẫu... ở một trình độ nhất định theo chuẩn đầu ra được lựa chọn. Ví dụ: liệu các câu viết có liên quan đến chủ đề không? hoặc đã sử dụng đúng thể thức văn bản không?

Dạy học và KT, ĐG ở mỗi môn ngoại ngữ cần
(Xem tiếp trang 60)

đáp hoặc thực hành giảng, hoặc kết hợp các hình thức trên.

Vậy, với phương thức đánh giá TCNL, việc đánh giá kết quả học tập của SV phải là một tập hợp đa dạng các hình thức đánh giá; không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm, mà chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau.

3.4. Khai thác cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng TCNL. SV TA được học tập trong môi trường có đầy đủ phương tiện dạy học cần thiết, gồm: hệ thống nghe nhìn, bảng tương tác, máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh nổi, kết nối Internet... GV luôn nỗ lực học hỏi, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin để khai thác tối ưu mọi phương tiện dạy học sẵn có nhằm phục vụ quá trình dạy học, kiểm tra và đánh giá. SV được khuyến khích và có nhiều cơ hội vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin để tìm kiếm thông tin, chuẩn bị tư liệu học tập. SV vận dụng phần mềm PowerPoint để thiết kế bài thuyết trình, bài giảng điện tử. GV và SV sử dụng các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, Wikispaces để trao đổi, chia sẻ, phân công nhiệm vụ học tập theo nhóm. Thông qua các trang mạng này, GV nắm bắt được tinh thần, thái độ cũng như tiến độ học tập hợp tác các thành viên nhóm; qua nhóm đó kịp thời phản hồi, giúp đỡ SV hoàn thành tốt các bài tập tự học.

* * *

Đào tạo SV sư phạm theo hướng TCNL, đặc biệt là NL dạy học của người GV tương lai, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015 là mục tiêu hướng đến của các trường đại học có đào tạo GV hiện nay. Đào tạo theo hướng TCNL là định hướng đúng đắn, là nhân tố quyết định uy tín và chất lượng đào tạo của một trường đại học trong thời kì hội nhập quốc tế nói chung, đào tạo GV TA nói riêng có đầy đủ phẩm chất và NL cần thiết, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông là một sứ mệnh của Trường ĐH Phú Yên ngày nay. □

(1) Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*

(2) Bộ GD-ĐT. *Công văn số 792/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25/02/2014 của Bộ GD-ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên tiếng Anh phổ thông.*

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Huy Vị - Tôn Nữ Phương Thảo. “Đổi mới dạy và học ngoại ngữ tại các trường đại học địa phương nhằm thúc đẩy và hỗ trợ người học đạt chuẩn khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam”. Tạp chí *Dạy và học* ngày nay, số 9/2015.

Đổi mới phương pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 63)

hướng tới phát triển cả những NL chung, NL chuyên biệt của các môn học khác thông qua sử dụng hợp lí các PPDH và KT, ĐG ngoại ngữ. Đổi mới PPDH và KT, ĐG ngoại ngữ theo ĐHPTNLHS, SV trong giáo dục nghề nghiệp chỉ đạt được kết quả cao khi các chủ thể tham gia vào các quá trình này có sự đổi mới, tự hoàn thiện bản thân và chủ động, tích cực áp dụng phù hợp vào thực tiễn ở mỗi môn ngoại ngữ cụ thể. □

(1) Bộ GD-ĐT. *Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh: Môn tiếng Anh cấp trung học phổ thông.* Tài liệu tập huấn năm 2014.

Tài liệu tham khảo

1. Bachman, L.F. and Palmer, A.S. *Language testing in practice: Designing and Developing Useful Language Tests.* Oxford University Press, 1996.

2. David Nuan. *Task-based language teaching.* Cambridge University Press, 2004.

3. Hutchinson, T. and Water. *English for Specific Purposes: A learning-center approach,* Cambridge University Press, 1987.

4. O'Malley, J.M., Lorraine Valdez Pierce. *Authentic Assessment for English language learners: Practical Approaches for teachers.* Longman: Addison-Wesley Publishing, 1996.

5. Jack C. Richards and Theodore S. Rodger. *Approaches and methods in language teaching - Third edition.* Cambridge University Press, 2014.

6. Penny Ur. *A course in English language teaching - A completely revised and updated edition).* Cambridge University Press, 2012.

7. Hoàng Văn Thái. “Dạy học ngoại ngữ chuyên ngành du lịch”. Tạp chí *Du lịch Việt Nam*, số tháng 6/2015.

8. Trung tâm nghiên cứu Tâm lí học và Giáo dục học - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. *Giáo dục theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học.* Kỉ yếu hội thảo, tháng 11/2014.